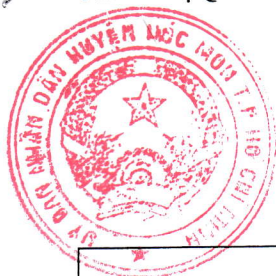


Cấp ngân sách: 3

Đơn vị ĐT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: Trường Mầm Non Tân Hiệp

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1080923

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 4572/QĐ-UBND ngày 07/9/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Dự toán giao đầu năm		Dự toán thực hiện		
		Mã nguồn	Kinh phí	Kinh phí tăng, giảm	Mã nguồn	Kinh phí
A/ Phần thu, chỉ tại đơn vị						
B/ Phần thu chi các hoạt động khác						
I Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			1.656.050.000			1.656.050.000
Thu sự nghiệp			1.656.050.000			1.656.050.000
-Nguồn Học phí			324.000.000			324.000.000
-Nguồn Công phục vụ bán trú			378.000.000			378.000.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			201.600.000			201.600.000
-Nguồn Thẻ dực nhíp điều mầm non			128.000.000			128.000.000
-Nguồn Anh văn mầm non			179.200.000			179.200.000
-Nguồn Học vẽ			128.000.000			128.000.000
- Nguồn học hè			200.000.000			200.000.000
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			70.000.000			70.000.000
-Nguồn Vệ sinh bán trú			47.250.000			47.250.000
II. Tổng chi theo chế độ quy định (kể cả nộp thuế)			1.656.050.000			1.656.050.000
1. Thu sự nghiệp và thu dịch vụ			1.526.450.000			1.526.450.000
-Nguồn Học phí			194.400.000			194.400.000
-Nguồn Công phục vụ bán trú			378.000.000			378.000.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			201.600.000			201.600.000
-Nguồn Thẻ dực nhíp điều mầm non			128.000.000			128.000.000
-Nguồn Anh văn mầm non			179.200.000			179.200.000
-Nguồn Học vẽ			128.000.000			128.000.000
- Nguồn học hè			200.000.000			200.000.000
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			70.000.000			70.000.000
-Nguồn Vệ sinh bán trú			47.250.000			47.250.000
2. Nguồn CCTL từ nguồn thu năm 2023 tại đơn vị cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND			129.600.000			129.600.000
- Nguồn thu học phí (40%)			129.600.000			129.600.000
C/ Dự toán chi ngân sách nhà nước :	622,070		7.298.796.000	-		7.298.796.000
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,071		7.298.796.000	-	-	7.298.796.000
1. Kinh phí thường xuyên (kinh phí không tự chủ)			7.098.796.000	(7.098.796.000)	-	-
1.1 Kinh phí hoạt động thường xuyên:		12	5.567.505.000	(5.567.505.000)		-
1.2 Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND		14	1.481.739.000	(1.481.739.000)		-
1.3 Kinh phí 10% tiết kiệm chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND		14	49.552.000	(49.552.000)		-
2. Kinh phí thường xuyên (kinh phí tự chủ)			-	7.098.796.000		7.098.796.000
2.1 Kinh phí hoạt động thường xuyên:			-	5.567.505.000	13	5.567.505.000
2.2 Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND			-	1.481.739.000	14	1.481.739.000
2.3 Kinh phí 10% tiết kiệm chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND			-	49.552.000	14	49.552.000
3. Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí không tự chủ)		12	200.000.000	-		200.000.000
3.1 Kinh phí thường xuyên khác (kinh phí không tự chủ)			100.000.000			100.000.000
3.2 Kinh phí sửa chữa			100.000.000			100.000.000

* Nguồn CCTL năm 2022 chuyển sang năm 2023 cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND

536.829.000

- Nguồn thu tại đơn vị

11.310.000

- Nguồn ngân sách (mã nguồn 14)

525.519.000